

Họ và tên:

Lớp:

I. Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Số gồm 7 triệu, 4 chục nghìn, 3 chục và 6 đơn vị là:

- A. 70 400 036 B. 7 040 360 C. 7 004 036 D. 7 040 036

Câu 2. Tổng của hai số là 80. Hiệu của hai số là 20. Tìm hai số đó?

- A. Số lớn là 50, số bé là 30 B. Số lớn là 60, số bé là 20
C. Số lớn là 45, số bé là 35 D. Số lớn là 50, số bé là 40

Câu 3. Tìm x, biết: $130\ 678 - x = 2630 + 3796$

- A. $x = 124\ 250$ B. $x = 124\ 251$ C. $x = 124\ 252$ D. $x = 124\ 253$

Câu 4. Đổi vị trí hai chữ số trong mỗi số sau để nhận được số lớn nhất có thể.

213 546 $\longrightarrow$ 78 265 $\longrightarrow$

Câu 5. Cho 6 chữ số: 0; 8; 2; 4; 9; 1

a. Số tự nhiên nhỏ nhất có 6 chữ số được tạo bởi 6 chữ số trên là:

- A. 012 489 B. 104 289 C. 102 498 D. 102 489

b. Số tự nhiên lớn nhất được tạo bởi 6 chữ số trên là:

- A. 984 102 B. 984 210 C. 984 012 D. 982 410

Câu 6. Tìm số đối xứng

a. Số đối xứng nhỏ nhất có bốn chữ số, biết hàng chục là chữ số 6.

Số đó là:

b. Số đối xứng lớn nhất có 8 chữ số, biết hàng đơn vị là chữ số 7, hàng trăm là chữ số 3.

Số đó là:

c. Số đối xứng liền sau 45 654 là:

d. Số đối xứng liền trước 12 021 là:

II. Tự luận: Giải các bài toán sau

Bài 1. Cho các số 35 467; 56 437; 43 675; 34 567; 54 673.

Các số được xếp theo thứ tự tăng dần là:

..... ; ; ;

Bài 2. Tìm y, biết:

$$12\ 579 - y = 7\ 185$$

$$y \times 3 = 6\ 549 - 5\ 346$$

y =

y =

II. Tự luận: Giải các bài toán sau

Bài 3. Tính

$$89\,245 + 19\,988 =$$

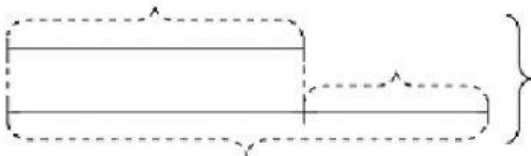
$$247\,801 - 45\,896 =$$

$$4\,086 \times 6 =$$

$$450\,456 : 8 =$$

Bài 4. Cả hai xe chở tất cả 607kg thóc. Biết xe thứ nhất chở ít hơn xe thứ hai là 135kg thóc. Hỏi mỗi xe chở bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

Ta có sơ đồ:



Bài giải



Đáp số: xe thứ nhất:

xe thứ hai:

Bài 5. Cho dãy số 1; 3; 5; 7; ...

Số hạng thứ 7 của dãy số là số:

Bài 6. Làm tròn số

Số	Làm tròn đến chữ số hàng nghìn	Làm tròn đến chữ số hàng chục
67 807		
290 682		
529 502		